

Bản án số: 375/2023/HC-PT
Ngày: 30/5/2023
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;
Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử trực tuyến công khai vụ án vụ án hành chính thụ lý số 206/2023/TLPT-HC ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số: 70/2022/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4211/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, vụ án có các đương sự sau:

*** Người khởi kiện:** Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1956; địa chỉ: Số nhà 16, tổ 3 phường Phan Si P, thị xã S, tỉnh L; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Gia D; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Gia D; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Gia D; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Văn H; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Tiến S1 - Phó Giám đốc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Hoàng Thành H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà 009, tổ 3 Phường Khắc K, phường C, thành phố L, tỉnh L; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1956; địa chỉ: Số nhà 16, tổ 3 phường Phan Si P, thị xã S, tỉnh L; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện, bà Hoàng Thị T1 trình bày:

Hộ gia đình bà gồm có bà Hoàng Thị T1, con Hoàng Thành H1, sinh năm 1978 và Hoàng Thắng T2, sinh năm 1986 (anh T2 đã chết năm 1995, không có vợ, con). Chồng bà là ông Nguyễn Hữu H2 đã ly hôn từ năm 1987 nên ông H2 không sống cùng hộ khẩu của gia đình bà. Gia đình bà sinh sống ở xã V đến năm 2000 thì lên sinh sống ở tỉnh L. Hộ gia đình bà được chia tiêu chuẩn ruộng 3 khẩu gồm bà và con H1, con T2 là 4 sào diện tích khoảng 1.440m², ngoài ra bà còn cấy ruộng của họ hàng. Tất cả diện tích đất ruộng trên của gia đình đều được chia ở ngoài đồng, không phân định rõ phần nào của bà và các con. Ngày 5/8/2016, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T ban hành kế hoạch số 105/KH-UBND thu hồi 280.924,3m² đất thuộc địa giới hành chính xã V, phường P1, thành phố T. Gia đình bà bị thu hồi 1.080m² đất, trong đó thửa số 117, tờ bản đồ số 12 diện tích 1.007m² và thửa số 104 tờ bản đồ số 12 diện tích 73m² địa chỉ thôn P2, xã V, thành phố T. Số ruộng Nhà nước thu hồi 1.080m² gồm tiêu chuẩn ruộng của bà và các con H1, Tùng. Theo phương án bồi thường của UBND thành phố T gia đình bà được bồi thường, hỗ trợ 218.412.000 đồng tương đương 73.050.167 đồng/sào. Bà nhận số tiền bồi thường thời gian khoảng tháng 6/2018. Sau một thời gian gia đình bà được hỗ trợ thêm 5.000.000 đồng. Số tiền bồi thường trên chỉ có trị giá đất còn không có tài sản xây dựng và cây cối, hoa màu trên đất. Quá trình thu hồi, bồi thường hỗ trợ tái định cư do UBND thành phố T thực hiện tồn tại nhiều sai phạm, số tiền bồi thường chi trả cho các hộ dân được áp dụng nhiều mức giá khác nhau, bà và nhiều người dân đã có ý kiến với UBND xã V và chính quyền thôn nhưng UBND xã V và cán bộ thôn ép bà và một số hộ dân buộc phải nhận số tiền bồi thường. Khoảng đầu năm 2019, còn lại 40 hộ gia đình không đồng ý giao đất và nhận tiền bồi thường theo phương án

bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND thành phố thì các hộ này được bồi thường tiền thu hồi ruộng cao nhất là 175.000.000 đồng/sào. Do thấy việc bồi thường thu hồi ruộng của mọi người khác nhau, những người chấp hành giao ruộng sớm thì được bồi thường thấp, những người không chấp hành giao ruộng thì được bồi thường cao.

Vì vậy, bà và 200 hộ gia đình cùng làm đơn khiếu nại gửi UBND thành phố T đề nghị xem xét lại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T về phương án bồi thường giải phóng mặt bằng. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành quyết định số 3272/QĐ-UBND giải quyết không chấp nhận khiếu nại của bà và các hộ gia đình đối với Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T về phương án bồi thường giải phóng mặt bằng. Không nhất trí với quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T bà và các hộ gia đình tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh T. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh T ra Quyết định số 520/QĐ-UBND giữ nguyên quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T. Việc Chủ tịch UBND thành phố T và Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 3272 và Quyết định số 520 đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà và các hộ gia đình tại thôn P2 và thôn P3, vị trí ruộng của các hộ như nhau, bà chấp hành theo quy định của Nhà nước thì được bồi thường số tiền thấp còn các hộ gia đình không chấp hành thì được bồi thường số tiền cao, các hộ gia đình nhận tiền sau không đúng với số tiền bồi thường ghi trong phương án hỗ trợ giải phóng mặt bằng do UBND thành phố quyết định. Vì vậy, bà khởi kiện đề nghị Tòa án hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

- Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T1, bà Đặng Thị B (M), ông Hoàng Hải H3, bà Hoàng Thị T3 đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P2, thôn P3, xã V thành phố T (lần đầu).

- Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T1 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P2, thôn P3, xã V, thành phố T đối với Quyết định số 3271/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:*

1. Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng: Dự án Khu dân cư mới xã V, thành phố T đã được

UBND tỉnh T phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 và được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013. UBND tỉnh T có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án. Hội đồng nhân dân tỉnh T có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Căn cứ quy định tại Điều 62, Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh T về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và các Quyết định: số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, số 5458/QĐ-UBND ngày 19/12/2018, số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án (trong đó có hộ bà Hoàng Thị T1) là đúng căn cứ, đúng thẩm quyền quy định.

2. Về trình tự, thủ tục và chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất: Ngày 05/8/2016, UBND thành phố T ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất. UBND thành phố T đã ban hành các thông báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định. Ngày 31/8/2016 và ngày 11/9/2016, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND xã V, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan và đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi hợp để triển khai công tác giải phóng mặt bằng dự án; trong đó: đã triển khai kế hoạch, thông báo thu hồi đất, các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng. Sau khi thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án, kiểm đếm tài sản, cây trồng trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND xã V, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Xét đề nghị của các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND thành phố T đã ban hành các Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án và ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, số 5484/QĐ-UBND ngày 19/12/2018, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 3/7/2019) theo quy định. Các Quyết định thu hồi đất được gửi tới các hộ dân. Phương án bồi thường, hỗ trợ được thực hiện lập, phê duyệt theo đúng đơn giá quy định tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày

30/6/2014 của UBND tỉnh T và thống nhất chung cho tất cả các hộ dân trong cùng dự án và được thực hiện niêm yết công khai theo quy định. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã phối hợp với UBND xã V thông báo và tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân (trong đó có hộ bà Hoàng Thị T1) theo đúng phương án được phê duyệt.

3. Về việc thay đổi tên dự án: Tại số thứ tự 154, danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh T ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 24/7/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển mục đích trồng lúa trên địa bàn tỉnh T (được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận tại Văn bản số 1489/TTg-KNT ngày 29/3/2013) tên dự án, công trình là dự án “Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã V, thành phố T” tổng diện tích 31ha, trong đó đất trồng lúa 25,7ha. Tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh T về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư V, thành phố T dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31ha. Về thực chất “Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã V, thành phố T” hay “Khu dân cư V, thành phố T” đều là một dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T”, vì dự án cùng một vị trí, địa điểm, diện tích và tại mục căn cứ xem xét, thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ có nêu Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh T.

4. Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND Thành phố: Không nhất trí với đơn giá bồi thường, hỗ trợ một số hộ dân có đất thu hồi tại dự án có đơn khiếu nại gửi UBND Thành phố. Theo đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2020 và nội dung làm việc ngày 11/6/2020 của Thanh tra thành phố T, bà Hoàng Thị T1 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn P2, thôn P3, xã V khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” với lý do Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được ban hành trái thẩm quyền. Việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng vi phạm khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Quy trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng không được công khai, minh bạch, không rõ ràng là dự án Nhà nước thu hồi đất hay tư nhân thu hồi đất.

Xem xét giải quyết khiếu nại của các hộ dân, ngày 03/7/2020, UBND thành phố T có Thông báo số 590/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại. Ngày 20/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T1 và một số công dân thôn P2, thôn P3, xã V. Ngày 09/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2323/QĐ-UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết khiếu nại. Ngày 13/8/2020, Chủ tịch UBND

thành phố T ký ban hành Quyết định số 1842/QĐ-UBND gia hạn thời gian giải quyết khiếu nại, thời gian gia hạn giải quyết khiếu nại là 15 ngày làm việc, kể từ ngày 13/8/2020. Ngày 08/9/2020, Đoàn xác minh theo Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 đã phối hợp với các đơn vị liên quan làm việc và lập Biên bản đối thoại với bà Hoàng Thị T1 và một số công dân thôn P2, thôn P3, xã V về nội dung giải quyết khiếu nại. Ngày 30/6/2020, Đoàn xác minh có Báo cáo số 03/BC-ĐXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T1 và một số công dân thôn P2, thôn P3, xã V. Ngày 17/9/2020, Phó Chủ tịch UBND thành phố T (theo Quyết định ủy quyền số 2323/QĐ-UBND ngày 09/7/2020) đã ký Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T1 và một số công dân thôn P2, thôn P3, xã V và kết luận giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng “Khu dân cư mới xã V, thành phố T”.

Việc giải quyết khiếu nại vụ việc nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố T là đảm bảo quy định của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Vì các căn cứ nêu trên, Chủ tịch UBND thành phố T, Ủy ban nhân dân thành phố T khẳng định toàn bộ quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và giải quyết khiếu nại liên quan đến đất thu hồi tại dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, một số công dân xã V khiếu kiện các Quyết định hành chính của UBND thành phố T, UBND tỉnh T là không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày:*

1. Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại (lần hai): Chủ tịch UBND dân tỉnh T thụ lý giải quyết khiếu nại (lần hai) của các công dân đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T là bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

2. Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai): Sau khi nhận đơn khiếu nại của các công dân, Chủ tịch UBND tỉnh T thực hiện thụ lý, thông báo cho các công dân và giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T xác minh nội

dung khiếu nại. Tổ chức đối thoại với các công dân theo quy định trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai). Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai) nêu trên bảo đảm theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

3. Về nội dung trong đơn khiếu nại của các công dân: Căn cứ Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 30/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T1 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn P2, thôn P3, xã V, thành phố T đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch UBND tỉnh đã giải quyết, làm rõ các nội dung trong đơn khiếu nại của các công dân, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về nội dung “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại, cụ thể. Thời gian giải quyết khiếu nại vượt 30 ngày so với quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011*”.

Trong Quyết định số 520/QĐ-UBND đã nhận định đây là khiếu nại đúng. Tuy nhiên, tồn tại, hạn chế về thời gian giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố T không thay đổi bản chất vụ việc và quyền lợi của người dân về các chế độ, chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đã được đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, về nội dung “*Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T bác toàn bộ nội dung khiếu nại (lần đầu) của công dân, giữ nguyên các quyết định về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng khu đô thị mới xã V là không phù hợp với quy định của pháp luật;*

- *Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 chưa giải quyết chính sách an sinh cho các hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp từ 1.093 m² trở lên;*

- *Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 chưa làm rõ hình thức đầu tư BT của dự án khu dân cư mới xã V”.*

Trong Quyết định số 520/QĐ-UBND đã nhận định đây là khiếu nại sai, vì các lý do sau:

- Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng: Dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án. Hội đồng nhân dân tỉnh đưa vào danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, chấp thuận chủ đầu

tư theo quy định. Ủy ban nhân dân thành phố T được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” là phù hợp với quy định tại Luật Đất đai năm 2013.

- Về trình tự, thủ tục thu hồi đất, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án: UBND thành phố T thực hiện thu hồi đất, lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” đảm bảo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

- Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ khác trong công tác giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình cá nhân có đất nông nghiệp tại xã có đất bị thu hồi từ 1.093 m² trở lên: UBND thành phố T đã lập, phê duyệt và thực hiện chi trả tiền hỗ trợ khác cho các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp tại xã bị thu hồi từ 1.093 m² trở lên theo đúng Văn bản số 3089/UBND-KTTNMT ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh T.

Như vậy, việc giải quyết khiếu nại của các công dân xã V, thành phố T, tỉnh T của Chủ tịch UBND tỉnh T bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc các công dân xã V, thành phố T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T1 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P2, thôn P3, xã V, thành phố T đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là không có cơ sở. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T1.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 70/2022/HC-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 3 Điều 62 và các Điều 66, 69, 74, 75, 77, 83, 84, 88, 89, 90, 93, 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22, 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Bác đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị T1 yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T;

- Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T1, bà Đặng Thị B (M), ông Hoàng Hải H3, bà Hoàng Thị T3 đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P2, thôn P3, xã V, thành phố T (lần đầu);

- Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T1 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P2, thôn P3, xã V, thành phố T đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu)..

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/9/2022, người khởi kiện bà Hoàng Thị T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung kháng cáo của người khởi kiện bà Hoàng Thị T1 đối với bản án hành chính sơ thẩm số 70/2022/HC-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T là đúng quy định của pháp luật do đó Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) xác định Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T mặc dù có vi phạm về thời hạn giải quyết nhưng không ảnh hưởng đến quyền lợi của người khiếu nại, không làm thay đổi bản chất vụ việc nên đã giữ nguyên Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 là phù hợp.

Việc giải quyết khiếu nại của bà T1 bảo đảm về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết theo quy định tại Điều 15, Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011, nội dung giải quyết có căn cứ nên Tòa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T1 là đúng quy định. Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị T1, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Bà Hoàng Thị T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng

khu dân cư mới xã V, thành phố T; Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T1, và những người khác đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P2, thôn P3, xã V, thành phố T trong đó có hộ ông Hoàng Văn H4 và Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại lần hai. Đây là các quyết định của cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai nên vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính.

[3] Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị T1 trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4] Bà Hoàng Thị T1 kháng cáo đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm số 70/2022/HC-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà vì cho rằng UBND thành phố T không có thẩm quyền thu hồi đất của hộ gia đình bà và một số người dân thôn P2, thôn P3 để giao cho Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu X thực hiện dự án xây nhà ở thương mại và phân lô bán nền; Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu X phân lô bán đất để xây nhà ở thương mại, do đó số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng phải trên cơ sở thỏa thuận giữa các hộ dân và công ty X, số tiền mà gia đình bà được trả tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T là theo đơn giá của Nhà nước, không phù hợp quy định của pháp luật đã ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của hộ bà T1.

[5] Xét thấy, hộ gia đình bà T1 không khiếu nại, không khởi kiện đối với Quyết định số 13331/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T về việc thu hồi 1080,0m² đất (loại đất: LUC) thuộc thửa đất số 317, 104, tờ bản đồ địa chính số 12, thuộc địa giới hành chính xã V, thành phố T của của hộ gia đình bà Hoàng Thị T1 để thực hiện dự án Khu dân cư xã V, thành phố T nên kháng cáo của Bà T1 cho rằng UBND thành phố T không có thẩm quyền thu hồi đất là không có cơ sở xem xét.

[6] Tại Văn bản số 3032/BXD-PTĐT ngày 24/11/2014 của Bộ Xây dựng cho ý kiến thống nhất về đề xuất chấp thuận đầu tư tại 02 dự án khu dân cư mới xã V và phát triển nhà 2 bên đường K1 kéo dài; Văn bản số 109/BXD- PTĐT ngày 20/1/2015 của Bộ Xây dựng về việc đề nghị cho phép nhà đầu tư chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng, tờ trình số 315/TTr-TL ngày 11/5/2017 của Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu X về đề nghị chấp thuận

đầu tư dự án khu dân cư mới xã V, Ủy ban nhân dân tỉnh T đã có Văn bản 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 cho phép Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu X xây dựng hạ tầng kỹ thuật, nhà ở thương mại, công trình thương mại - dịch vụ, công trình hạ tầng xã hội, chung cư nhà ở xã hội tại dự án khu dân cư V thành phố T dưới hình thức Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT). Theo đó, Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu X đã được UBND tỉnh T chấp thuận đầu tư và ra Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 giao 272.262,1m² đất để xây dựng khu dân cư xã V đến hết tháng 6/2023. Hình thức giao đất là có thu tiền sử dụng đất. Diện tích thu tiền sử dụng đất là 108.573,7m².

[7] Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) nêu trên là đúng quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định 63/2018/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (có hiệu lực thi hành từ ngày 19/6/2018). Căn cứ Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) thì Công ty X được thanh toán bằng 108.573,7m² đất (toàn bộ diện tích đất nhà ở thương mại - 992 lô). Theo đó, Công ty X phải đầu tư vào dự án theo dự toán sau khi điều chỉnh lần cuối là 636.881.029.000 đồng. Diện tích còn lại là đất thương mại dịch vụ, đất xây dựng nhà ở xã hội, đất xây trường mầm non, đất cây xanh, nhà văn hóa, bãi đỗ xe, đất hạ tầng kỹ thuật, giao thông thuộc quyền quản lý của Nhà nước và phải bàn giao lại cho Nhà nước khi hết thời hạn giao đất vào ngày 30/6/2023. Như vậy, Công ty X là công ty đầu tư được Nhà nước ký hợp đồng để xây dựng công trình hạ tầng, không phải là công ty tư nhân tự đứng ra thu mua đất của người dân để thực hiện dự án thương mại nên không thuộc trường hợp phải tự thỏa thuận giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng với người bị thu hồi đất.

[8] Dự án Khu dân cư xã V, thành phố T được UBND tỉnh T phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012, đây là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường K1 kéo dài thành phố T, thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu X. Dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013. UBND tỉnh T có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án. HĐND tỉnh T có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Dự án có trong Kế hoạch sử dụng đất của thành phố T năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 được UBND tỉnh T phê duyệt tại các quyết định: số 3292/QĐ-UBND ngày 31/12/2014, số 257/QĐ-UBND ngày 26/01/2016, số 247/QĐ-UBND ngày 20/01/2017, số 386/QĐ-UBND ngày 05/02/2018, số 588/QĐ-UBND ngày 25/02/2019.

[9] Do đó, căn cứ để tính giá đất bồi thường tại thời điểm thu hồi đất là Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh T quy định về

bảng giá các loại đất giá đất; Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh T quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh T; theo Danh mục số 01 quy định Bảng giá đất nông nghiệp ở tỉnh T thì đất trồng cây hàng năm (trong đó có đất trồng lúa) có đơn giá là 42.000đ/m². Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T có nội dung đơn giá bồi thường đối với hộ bà T1 theo giá đất của tỉnh T quy định tại thời điểm thu hồi đất là đúng quy định tại Điều 74 Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính Phủ và Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh T.

[10] Hộ gia đình bà Hoàng Thị T1 bị thu hồi 1080,0m² đất (loại đất: LUC) thuộc thửa đất số 317, 104, tờ bản đồ địa chính số 12, thuộc địa giới hành chính xã V, thành phố T để thực hiện dự án. Quyết định số 13577/QĐ-UBND cùng ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đã áp dụng Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Thái Bình quy định về bảng giá các loại đất giá đất; Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh T về quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh T. Theo Danh mục số 01 quy định Bảng giá đất nông nghiệp ở tỉnh T thì đất trồng cây hàng năm (trong đó có đất trồng lúa) có đơn giá là 42.000đ/lm². Do đó bà T1 được bồi thường 1.080m² đất ruộng = 45.276.000 đồng là đã áp đúng giá theo quy định. Ngoài bồi thường về đất, bà T1 còn nhận được khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm = 67.914.000 đồng (theo công thức Diện tích được bồi thường x 42.000đ x 1,5), hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất = 414.000 đồng (công thức số nhân khẩu x 30kg x số tháng được hưởng x 11.500 đồng), hỗ trợ khác theo Công văn 1346/UBND tỉnh ngày 7/5/2015 = 90.552.000 đồng (Diện tích được bồi thường x 84.000 đồng), bồi thường hỗ trợ tài sản xây dựng, cây cối hoa màu = 4.320.000đ đồng. Như vậy, việc bồi thường đều theo cách tính có công thức riêng, phụ thuộc vào số nhân khẩu của hộ gia đình và số diện tích đất thu hồi.

Gia đình bà T1 bị Nhà nước thu hồi 1.080m² đất nông nghiệp gồm tiêu chuẩn ruộng của bà và các con H1, T2. Theo phương án bồi thường của UBND thành phố T gia đình bà T1 được bồi thường, hỗ trợ 218.412.000 đồng tương đương 73.050.167 đồng/sào là đã đảm bảo quyền lợi hợp pháp của hộ gia đình bà. Bà T1 đã nhận số tiền bồi thường thời gian khoảng tháng 6/2018. Sau một thời gian gia đình bà được hỗ trợ thêm 5.000.000 đồng nên kháng cáo của bà T1 cho rằng mức bồi thường hỗ trợ cho gia đình bà tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T không công bằng, có nhà được trả với giá trị cao hơn là không có cơ sở chấp nhận.

[11] Như đã phân tích, Quyết định phê duyệt dự án số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T phê duyệt số tiền gia đình bà T1 được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 111.256.000 đồng là đúng quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục thu hồi đất được thực hiện đúng quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013. Gia đình bà T1 đã bàn giao diện tích đất thu hồi cho UBND thành phố T và đã nhận tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên. Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T không chấp nhận khiếu nại về việc xem xét lại mức bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Hoàng Thị T1 tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[12] Như đã phân tích ở trên, các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V của UBND thành phố T và quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố T có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/2/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T nhận định mặc dù Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T có vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại (lần đầu) nhưng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại, không làm thay đổi bản chất vụ việc nên giữ nguyên nội dung giải quyết này là đúng quy định.

[13] Xét các Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T, Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T và Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T được ban hành đúng thể thức văn bản, đầy đủ nội dung về căn cứ ban hành quyết định, nội dung quyết định, quyền, nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan trong việc thi hành quyết định. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên của người khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; Kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T1 không có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

[14] Về án phí hành chính phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà Hoàng Thị T1 là người cao tuổi và có yêu cầu nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là bà Hoàng Thị T1; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2022/HC-ST ngày 25/8/2022 của

Tòa án nhân dân tỉnh T.

2. Bà Hoàng Thị T1 được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP, TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mai

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam

Bùi Xuân Trọng

Lê Thị Mai

